

Phụ lục 1
CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CCHC ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC CỦA SỞ, BAN, NGÀNH	23				Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4.5				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	1.5			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định = 1,5</i>					
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không đúng thời gian quy định = 0</i>					
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của sở, ban, ngành	0.5			nt	
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ = 0,5; Không xác định đầy đủ nhiệm vụ = 0</i>					
1.1.3	Bố trí kinh phí triển khai công tác CCHC	0.5			nt	
	<i>Có bố trí kinh phí = 0,5; Không bố trí kinh phí = 0</i>					
1.1.4	Các kết quả phải được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức	1			nt	
	<i>Đạt yêu cầu = 1; Không đạt yêu cầu = 0</i>					
1.1.5	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1			nt	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,7</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,4</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>					
1.2	Báo cáo CCHC	4				
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	3			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
	<i>Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định = 3 (thiếu báo cáo quý thì trừ 1 điểm/1 báo cáo; thiếu báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm thì trừ 1,5 điểm)</i>					
	<i>Không có báo cáo = 0</i>					
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	1			nt	
	<i>Đạt yêu cầu = 1; Không đạt yêu cầu = 0</i>					
1.3	Kiểm tra công tác CCHC (Đối với những cơ quan không có các đơn vị trực thuộc thì không tính điểm)	2				
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với cơ quan và các đơn vị thuộc sở, ban, ngành (Có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có kế hoạch kiểm tra trên 50% số cơ quan, đơn vị = 1</i>					
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ 30%-50% số cơ quan, đơn vị = 0,5</i>					
	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 30% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra = 0</i>					
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	0.5			nt	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 0,5</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,3</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,2</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>					
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm tra	0.5			nt	
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,5</i>					
	<i>Các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý một phần = 0,25</i>					
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0</i>					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1.5				
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm hoặc phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tuyên truyền)	0.5			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có kế hoạch = 0,5; Không có kế hoạch = 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1			nt	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,7</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,4</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>					
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2				
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>					
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC (cấp ngành trở lên)	1			nt	
	<i>Có sáng kiến = 1; Không có sáng kiến = 0</i>					
1.6	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của sở, ban, ngành	5				
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Trên 80% văn bản được ban hành kịp thời = 1</i>					
	<i>Từ 65% đến 80% văn bản được ban hành kịp thời = 0,7</i>					
	<i>Từ 50% đến dưới 65% văn bản được ban hành kịp thời = 0,4</i>					
	<i>Dưới 50% văn bản được ban hành kịp thời = 0</i>					
1.6.3	Bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính....) cho công tác CCHC	1.5			Điều tra xã hội học	
	<i>Đầy đủ = 1,5; Tương đối đầy đủ = 1; Không đủ = 0,5; Không bố trí = 0</i>					
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1.5			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1,5; Khá = 1; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>					
1.7	Bố trí, sử dụng hòm thư góp ý tại các sở, ban, ngành	2				
1.7.1	Ban hành Quy chế xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính bằng hình thức hòm thư góp ý	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có ban hành quy chế = 1; Không ban hành quy chế = 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
1.7.2	Thực hiện mở và xử lý	1			nt	
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>					
1.8	Bố trí, sử dụng đường dây điện thoại nóng tại các sở, ban, ngành	2				
1.8.1	Ban hành Quy chế sử dụng đường dây điện thoại nóng	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có ban hành quy chế = 1; Không ban hành quy chế = 0</i>					
1.8.2	Thực hiện giải quyết các kiến nghị của tổ chức, công dân	1			nt	
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>					
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	10.5				Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước tham mưu UBND tỉnh ban hành	4				
2.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch của sở, ban, ngành trong việc tham mưu UBND tỉnh xây dựng văn bản QPPL hàng năm theo kế hoạch, chương trình xây dựng văn bản QPPL của tỉnh đã được phê duyệt	0.5			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 0,5</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,3</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,2</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>					
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0.5			nt	
	<i>Đúng quy định = 0,5; Không đúng quy định = 0</i>					
2.1.3	Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của VBQPPL do sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
2.1.4	Tính khả thi của VBQPPL do sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
2.1.5	Tính hiệu quả của VBQPPL do sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
2.2	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3				
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị do HĐND, UBND tỉnh ban hành (kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung của sở, ban, ngành)	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>					
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1			nt	
	<i>Hoàn thành kế hoạch = 1; Không hoàn thành kế hoạch = 0</i>					
2.2.3	Kiến nghị xử lý kết quả rà soát	1			nt	
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>					
2.3	Tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại sở, ban, ngành liên quan đến ngành, lĩnh vực tham mưu	2.5				
2.3.1	Tổ chức phối hợp với cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong phạm vi ngành quản lý	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định = 1</i>					
	<i>Từ 70% - 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định = 0,7</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định = 0,4</i>					
	<i>Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định = 0</i>					
2.3.2	Ban hành kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại sở, ban, ngành	0.5			nt	
	<i>Có ban hành = 0,5; Không ban hành = 0</i>					
2.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch tự kiểm tra	0.5			nt	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 0,5</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,3</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,2</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>					
2.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0.5			nt	
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,5</i>					
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,3</i>					
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,2</i>					
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0</i>					
2.4	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi của sở, ngành	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có ban hành = 1; Không ban hành = 0</i>					
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	11.5				Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan
3.1	Ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của tỉnh và của các sở, ban, ngành	6.5				
3.1.1	Ban hành kế hoạch	1.5			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 01 = 1,5</i>					
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>					
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1			nt	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,7</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,4</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>					
3.1.3	Thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC	2			nt	
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định = 2; Không thực hiện đầy đủ theo quy định = 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
3.1.4	Cập nhật kịp thời các quy định mới ban hành, bổ sung, sửa đổi về TTHC để trình UBND tỉnh công bố	1			nt	
	<i>Cập nhật kịp thời = 1; Cập nhật không kịp thời (hoặc không cập nhật) = 0</i>					
3.1.5	Kiểm soát và tổ chức việc thực thi các TTHC đã được UBND tỉnh công	1			nt	
	<i>Thực hiện các TTHC đúng 100% theo quy định = 1</i>					
	<i>Có dưới 20% hồ sơ TTHC thực hiện không đúng quy định = 0,5</i>					
	<i>Thực hiện không đúng quy định = 0</i>					
3.2	Công khai thủ tục hành chính	5				
3.2.1	Công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>100% số TTHC = 2</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC = 1,5</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 80% số TTHC = 1</i>					
	<i>Dưới 50% số TTHC = 0</i>					
3.2.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành	3			nt	
	<i>Trên 80% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định = 3</i>					
	<i>Từ 70% - 80% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định = 2</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định = 1</i>					
	<i>Dưới 50% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định = 0</i>					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	10				Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các bộ về tổ chức bộ máy	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định, Bộ máy tinh gọn, hiệu quả = 1;</i>					
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định, Bộ máy còn cồng kềnh, kém hiệu quả = 0</i>					
4.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định	2				
4.2.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành. <i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>	1			Điều tra xã hội học	
4.2.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành <i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>	1			Điều tra xã hội học	
4.3	Thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc sở, ban, ngành	3				
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra (hoặc có trong kế hoạch CCHC hàng năm) <i>Có kế hoạch kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị = 1</i> <i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20%-30% số cơ quan, đơn vị = 0,5</i> <i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra = 0</i>	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra <i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i> <i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,7</i> <i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,4</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>	1			nt	
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra <i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1</i> <i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,7</i>	1			nt	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,4</i>					
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0</i>					
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý	3				
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định = 1</i>					
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định = 0</i>					
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc	1			nt	
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>					
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1			nt	
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1</i>					
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,7</i>					
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,4</i>					
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0</i>					
4.5	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của sở, ban, ngành	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	16				Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí, việc làm	3				
5.1.1	Tỷ lệ phòng và tương đương phòng có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Trên 60% số cơ quan = 1</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
	<i>Từ 30% - 60% số cơ quan = 0,7</i>					
	<i>Từ 20% - 30% dưới số cơ quan = 0,4</i>					
	<i>Dưới 20% số cơ quan = 0</i>					
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	0.5			nt	
	<i>Trên 60% số cơ quan, đơn vị = 0,5</i>					
	<i>Từ 30%-60% số đơn vị = 0,3</i>					
	<i>Từ 20% - dưới 30% số đơn vị = 0,2</i>					
	<i>Dưới 20% số đơn vị = 0</i>					
5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1.5			nt	
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 1,5</i>					
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 1</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,5</i>					
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0</i>					
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	2				
5.2.1	Thực hiện bố trí công chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Đúng quy định = 1; Không đúng quy định = 0</i>					
5.2.2	Thực hiện việc tuyển dụng và bố trí viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập	0.5			nt	
	<i>Đúng quy định = 0,5; Không đúng quy định = 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
5.2.3	Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành thực hiện bố trí viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	0.5			nt	
	<i>Thực hiện đúng quy định (đối với các sở, ban, ngành không có đơn vị sự nghiệp công lập không tính điểm) = 0,5;</i>					
	<i>Thực hiện không đúng quy định = 0</i>					
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	2				
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của sở, ban, ngành (hoặc có trong kế hoạch CCHC hàng năm)	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Ban hành kịp thời = 1 (trong tháng 01 của năm kế hoạch)</i>					
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>					
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của UBND cấp huyện	1			nt	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch = 1</i>					
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch = 0,7</i>					
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch = 0,4</i>					
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>					
5.4	Đổi mới công tác quản lý công chức	4				
5.4.1	Đánh giá công chức trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao	2			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có thực hiện = 2; Không thực hiện = 0</i>					
5.4.2	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền	1			nt	
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>					
5.4.3	Có xây dựng hoặc đăng ký kế hoạch thu hút nhân tài về công tác thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý	1			nt	
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
5.5	Chất lượng CBCCVC	4				
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CBCCVC <i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>	1			Điều tra xã hội học	
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của CBCCVC <i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>	1			Điều tra xã hội học	
5.5.3	Thái độ phục vụ của CBCCVC <i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>	1			Điều tra xã hội học	
5.5.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của CBCCVC <i>Không có = 1; Có = 0</i>	1			Điều tra xã hội học	
5.6	Tỷ lệ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng trong năm	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Trên 70% số cán bộ, công chức = 1</i>					
	<i>Từ 50% - 70% số cán bộ, công chức = 0,5</i>					
	<i>Dưới 50% số cán bộ, công chức = 0</i>					
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	4				Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại sở, ban, ngành	2				
6.1.1	Việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại sở, ban, ngành <i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
6.1.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính tại các sở, ban, ngành <i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>	1			Điều tra xã hội học	
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các ĐVSN thuộc các sở, ban, ngành (Cơ quan không có đơn vị sự nghiệp không tính điểm)	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
6.2.1	Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm các ĐVSN thuộc các sở, ban, ngành	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Trên 80% số đơn vị = 1</i>					
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị = 0,7</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị = 0,4</i>					
	<i>Dưới 50% số đơn vị = 0</i>					
6.2.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1				
	<i>Tốt = 2; Khá = 1; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				Điều tra xã hội học	
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15				Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của sở, ban, ngành	7				
7.1.1	Tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT theo quy định	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Thực hiện đúng quy định đạt khá trở lên = 1</i>					
	<i>Thực hiện đúng quy định đạt trung bình = 0,5</i>					
	<i>Thực hiện không đúng quy định = 0</i>					
7.1.2	Việc sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc, văn bản điện tử	1			nt	
	<i>Có sử dụng mạng LAN = 1; Không sử dụng mạng LAN = 0</i>					
7.1.3	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của CBCCVC	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Thường xuyên = 1; Tương đối thường = 0,7; Thỉnh thoảng = 0,4; Không bao giờ = 0.</i>					
7.1.4	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2 = 1</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
	<i>Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 = 0,5</i>					
	<i>Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 = 0,5</i>					
7.1.5	Triển khai thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	2			nt	
	<i>Thực hiện tốt = 2; Thực hiện khá = 1; Thực hiện trung bình = 0,5; Thực hiện yếu hoặc không thực hiện = 0</i>					
7.2	Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành	4				
7.2.1	Trang thông tin điện tử	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có đầy đủ các phần theo quy định = 1; Không đầy đủ các phần theo quy định = 0</i>					
7.2.2	Tính kịp thời của thông tin	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
7.2.3	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của tỉnh	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
7.2.4	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
7.3	Áp dụng ISO trong hoạt động của sở, ban, ngành	4				
	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO theo đúng quy định (duy trì, cải tiến, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định)	4			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Thực hiện đầy đủ = 4</i>					
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ = 2</i>					
	<i>Không thực hiện = 0</i>					
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	10				Sở Nội vụ và các sở, ngành liên
8.1	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
8.1.1	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Thực hiện đúng theo quy định = 1; Thực hiện không đúng quy định = 0</i>					
8.1.2	Áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc tại bộ phận một cửa	1			nt	
	<i>Có áp dụng = 1; Không áp dụng = 0</i>					
8.2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2				
8.2.1	Số lượng các TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	1			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Trên 80% số lượng TTHC = 1</i>					
	<i>Từ 70% - 80% số lượng TTHC = 0,7</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70% số lượng TTHC = 0,4</i>					
	<i>Dưới 50% số lượng TTHC = 0</i>					
8.2.2	Các TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	1			nt	
	<i>Có thực hiện = 1; Không thực hiện = 0</i>					
8.3	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2				
	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông sở, ban, ngành	2			Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Đảm bảo đúng quy định = 2</i>					
	<i>Bố trí chưa đầy đủ = 1</i>					
	<i>Không đúng quy định, hoặc không bố trí = 0</i>					
8.4	Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	4				
8.4.1	Bố trí chỗ ngồi chờ, nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân đến giao dịch	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Đúng quy định = 1; Không đúng quy định = 0</i>					
8.4.2	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
8.4.3	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			Điều tra xã hội học	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số đạt được (%)	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
	<i>Đảm bảo đúng quy định = 1; Chưa đúng quy định = 0</i>					
8.4.4	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,7; Trung bình = 0,4; Yếu, kém = 0.</i>					
	Tổng cộng	100				

Trong đó:

-Điểm tự đánh giá: 75 điểm; Điểm điều tra xã hội học: 25 điểm